

Số: 41/2023/TT-BCA

Hà Nội, ngày 25 tháng 8 năm 2023

## THÔNG TƯ

**Quy định thực hiện chế độ trợ cấp đối với cán bộ, chiến sĩ  
Công an nhân dân tham gia kháng chiến chống Mỹ có dưới 20 năm công tác  
trong Công an nhân dân đã thôi việc, xuất ngũ về địa phương**

*Căn cứ Nghị định số 01/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2018 của  
Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ  
Công an;*

*Căn cứ Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg ngày 20 tháng 8 năm 2010 của  
Thủ tướng Chính phủ quy định về chế độ đối với cán bộ, chiến sĩ Công an nhân  
dân tham gia kháng chiến chống Mỹ có dưới 20 năm công tác trong Công an  
nhân dân đã thôi việc, xuất ngũ về địa phương;*

*Căn cứ khoản 2 Điều 10 Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09 tháng 11  
năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chế độ, chính sách đối với đối  
tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia,  
giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Tổ chức cán bộ;*

*Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư quy định thực hiện chế độ trợ  
cấp đối với cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân tham gia kháng chiến chống  
Mỹ có dưới 20 năm công tác trong Công an nhân dân đã thôi việc, xuất ngũ  
về địa phương.*

## Chương I

### QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về đối tượng, thời gian công tác được tính hưởng  
chế độ; chế độ trợ cấp hàng tháng, chế độ trợ cấp một lần; hồ sơ, trình tự thực  
hiện chế độ trợ cấp đối với cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân tham gia kháng  
chiến chống Mỹ từ ngày 30 tháng 4 năm 1975 trở về trước có dưới 20 năm công  
tác trong Công an nhân dân đã thôi việc, xuất ngũ về địa phương (sau đây viết  
gọn là cán bộ, chiến sĩ).

## **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Thông tư này áp dụng đối với:

a) Cán bộ, chiến sĩ thuộc các trường hợp quy định tại Điều 2 và khoản 1 Điều 8 Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg ngày 20 tháng 8 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chế độ đối với cán bộ, chiến sĩ tham gia kháng chiến chống Mỹ có dưới 20 năm công tác trong Công an nhân dân đã thôi việc, xuất ngũ về địa phương (sau đây viết gọn là Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg).

b) Các đơn vị trực thuộc Bộ Công an, Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây viết gọn là Công an đơn vị, địa phương).

c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện chế độ đối với cán bộ, chiến sĩ theo quy định tại Thông tư này.

2. Thông tư này không áp dụng đối với:

a) Các trường hợp quy định tại Điều 3 Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg.

b) Cán bộ, chiến sĩ vi phạm kỷ luật bị buộc thôi việc, sa thải, thái hồi, loại ngũ, đào nhiệm, đào ngũ, tước danh hiệu, tước cấp bậc hàm.

c) Công nhân công an (công nhân viên công an).

## **Điều 3. Thời gian công tác được tính hưởng chế độ**

1. Thời gian công tác được tính hưởng chế độ gồm: thời gian cán bộ, chiến sĩ công tác thực tế trong Công an nhân dân, tính từ khi vào Công an nhân dân đến khi thôi việc, xuất ngũ về địa phương; thời gian công tác trong Quân đội nhân dân được tính cộng theo quy định tại khoản 2 Điều này. Trường hợp có thời gian công tác gián đoạn thì được cộng dồn.

2. Thời gian cán bộ, chiến sĩ công tác trong Quân đội nhân dân được cộng với thời gian công tác trong Công an nhân dân để tính hưởng chế độ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 8 Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg, cụ thể:

a) Cán bộ, chiến sĩ nếu chưa được thực hiện chế độ quy định tại Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg ngày 27 tháng 10 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện chế độ đối với quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có dưới 20 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương (sau đây viết gọn là Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg) thì thời gian công tác trong Quân đội nhân dân được cộng với thời gian công tác trong Công an nhân dân để thực hiện các chế độ quy định tại Thông tư này;

b) Thời gian công tác trong Quân đội nhân dân đã được thực hiện chế độ quy định tại Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg thì không được cộng thời gian công tác trong Quân đội nhân dân với thời gian công tác trong Công an nhân dân để tính hưởng chế độ theo quy định tại Thông tư này. Trường hợp cán bộ, chiến sĩ có nguyện vọng cộng thời gian công tác trong Quân đội nhân dân với thời gian công tác trong Công an nhân dân để đủ điều kiện hưởng chế độ trợ cấp hằng tháng theo quy định tại Điều 4 Thông tư này thì phải nộp lại khoản trợ cấp một lần đã nhận theo Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg cho Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây viết gọn là Công an cấp tỉnh) nơi cán bộ, chiến sĩ thường trú. Trường hợp cán bộ, chiến sĩ đang hưởng trợ cấp hằng tháng theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg thì được cộng thời gian công tác trong Công an nhân dân với thời gian công tác trong Quân đội nhân dân vào thời gian công tác được tính hưởng chế độ trợ cấp hằng tháng để điều chỉnh mức trợ cấp đang hưởng.

3. Cán bộ, chiến sĩ đã thôi việc, xuất ngũ về địa phương sau đó công tác ở xã, phường, thị trấn hưởng lương từ ngân sách nhà nước có tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc mà đã được tính thời gian công tác trong Công an nhân dân là thời gian có đóng bảo hiểm xã hội để tính hưởng chế độ bảo hiểm xã hội thì không tính hưởng chế độ theo quy định tại Thông tư này.

4. Thời gian công tác được tính hưởng chế độ trợ cấp một lần nếu có tháng lẻ dưới 6 tháng thì được tính bằng mức hưởng của 1/2 năm, từ đù 6 tháng đến dưới 12 tháng được tính bằng mức hưởng của 01 năm.

## **Chương II**

### **CHẾ ĐỘ TRỢ CẤP VÀ HỒ SƠ, TRÌNH TỰ THỰC HIỆN**

#### **Điều 4. Chế độ trợ cấp hằng tháng**

1. Cán bộ, chiến sĩ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Thông tư này thuộc một trong các trường hợp sau thì được hưởng chế độ trợ cấp hằng tháng:

a) Có thời gian công tác được tính hưởng chế độ từ đù 15 năm đến dưới 20 năm;

b) Có thời gian công tác được tính hưởng chế độ từ đù 15 năm đến dưới 20 năm đã thôi việc, xuất ngũ về địa phương sau đó công tác ở xã, phường, thị trấn hưởng lương từ ngân sách Nhà nước có tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc nhưng không đù điều kiện hoặc không tiếp tục đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện

để đủ điều kiện hưởng lương hưu hằng tháng theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội.

## 2. Cách tính hưởng

a) Trợ cấp hằng tháng được tính theo số năm công tác thực tế được tính hưởng chế độ; từ đủ 15 năm được trợ cấp hằng tháng mức 813.614 đồng/người/tháng, sau đó cứ thêm một năm (đủ 12 tháng) được tính thêm 5%, cụ thể:

Từ đủ 15 năm đến dưới 16 năm, mức trợ cấp bằng 813.614 đồng/người/tháng;

Từ đủ 16 năm đến dưới 17 năm, mức trợ cấp bằng 854.295 đồng/người/tháng;

Từ đủ 17 năm đến dưới 18 năm, mức trợ cấp bằng 894.975 đồng/người/tháng;

Từ đủ 18 năm đến dưới 19 năm, mức trợ cấp bằng 935.656 đồng/người/tháng;

Từ đủ 19 năm đến dưới 20 năm, mức trợ cấp bằng 976.337 đồng/người/tháng.

Ví dụ 1: Ông Trần Văn A, vào Công an nhân dân tháng 01 năm 1962, thôi việc về địa phương tháng 7 năm 1981. Thời gian công tác được tính hưởng chế độ của ông Trần Văn A từ tháng 01 năm 1962 đến tháng 7 năm 1981 là 19 năm 07 tháng. Mức hưởng trợ cấp hằng tháng của ông Trần Văn A là 976.337 đồng/tháng.

Ví dụ 2: Ông Lê Văn B, vào Công an nhân dân tháng 6 năm 1971 đến tháng 11 năm 1987 chuyển ngành sang Ủy ban nhân dân huyện T; năm 1990 nghỉ theo chế độ thôi việc về địa phương. Cách tính hưởng chế độ của ông Lê Văn B như sau:

Thời gian công tác được tính hưởng chế độ của ông Lê Văn B là thời gian công tác trong Công an nhân dân từ tháng 6 năm 1971 đến tháng 10 năm 1987 là 16 năm 05 tháng (thời gian ông Lê Văn B chuyển ngành sang công tác tại Ủy ban nhân dân huyện T không được tính vào thời gian công tác được tính hưởng chế độ). Mức hưởng trợ cấp hằng tháng của ông Lê Văn B là 854.295 đồng/tháng.

Ví dụ 3: Ông Nguyễn Văn C, vào Quân đội nhân dân tháng 10 năm 1970, chuyển ngành sang Công an nhân dân tháng 10 năm 1975, thôi việc về địa phương tháng 10 năm 1989. Cách tính hưởng chế độ của ông Nguyễn Văn C như sau:

Thời gian công tác được tính hưởng chế độ của ông Nguyễn Văn C gồm: Thời gian công tác trong Quân đội nhân dân từ tháng 10 năm 1970 đến tháng 9 năm 1975 là 5 năm cộng với thời gian công tác trong Công an nhân dân từ

tháng 10 năm 1975 đến tháng 10 năm 1989 là 14 năm 01 tháng; tổng thời gian công tác được tính hưởng chế độ của ông Nguyễn Văn C là 19 năm 01 tháng. Mức hưởng trợ cấp hằng tháng của ông Nguyễn Văn C là 976.337 đồng/tháng.

Ví dụ 4: Ông Hoàng Văn D, vào Quân đội nhân dân tháng 3 năm 1971, xuất ngũ về địa phương tháng 9 năm 1975, vào Công an nhân dân tháng 12 năm 1977, thôi việc về địa phương tháng 12 năm 1992. Cách tính hưởng chế độ của ông Hoàng Văn D như sau:

Thời gian công tác được tính hưởng chế độ của ông Hoàng Văn D gồm: Thời gian công tác trong Quân đội nhân dân từ tháng 3 năm 1971 đến tháng 9 năm 1975 là 4 năm 07 tháng cộng với thời gian công tác trong Công an nhân dân từ tháng 12 năm 1977 đến tháng 12 năm 1992 là 15 năm 01 tháng. Tổng thời gian công tác được tính hưởng chế độ là 19 năm 08 tháng. Mức hưởng trợ cấp hằng tháng của ông Hoàng Văn D là 976.337 đồng/tháng.

b) Mức trợ cấp hằng tháng quy định tại điểm a Khoản này được điều chỉnh tương ứng với từng giai đoạn theo quy định của Chính phủ.

c) Cán bộ, chiến sĩ đang hưởng trợ cấp hằng tháng mà từ trần thì thôi thực hiện trợ cấp từ tháng tiếp theo. Người tổ chức mai táng được hưởng trợ cấp một lần bằng 03 tháng trợ cấp hiện hưởng của người từ trần.

Trường hợp cán bộ, chiến sĩ từ trần sau ngày 15 tháng 10 năm 2010 nhưng chưa được hưởng trợ cấp hằng tháng thì một trong những người sau đây: vợ hoặc chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, con đẻ, con nuôi hoặc người nuôi dưỡng hợp pháp được nhận truy lĩnh chế độ trợ cấp hằng tháng trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 5 năm 2010 đến tháng/năm cán bộ, chiến sĩ từ trần và chế độ trợ cấp tổ chức mai táng bằng 03 tháng trợ cấp hằng tháng tại thời điểm từ trần.

Ví dụ 5: Ông Đỗ Văn Đ, vào Công an nhân dân tháng 4 năm 1975, thôi việc về địa phương tháng 6 năm 1990. Ngày 25/4/2012 ông Đỗ Văn Đ từ trần. Tháng 12/2023 thân nhân của ông Đỗ Văn Đ mới hoàn thiện hồ sơ đề nghị giải quyết chế độ trợ cấp. Cách tính hưởng chế độ của ông Đỗ Văn Đ như sau:

Thời gian công tác được tính hưởng chế độ của ông Đỗ Văn Đ được tính từ tháng 4 năm 1975 đến tháng 6 năm 1990 là 15 năm 03 tháng.

Mức hưởng trợ cấp hằng tháng của ông Đỗ Văn Đ kể từ ngày 01/5/2010 là 813.614 đồng/tháng. Trợ cấp hằng tháng của ông Đỗ Văn Đ từ ngày 01/5/2010 đến ngày 30/4/2011 là: 813.614 đồng x 12 tháng = 9.763.368 đồng.

Mức hưởng trợ cấp hằng tháng của ông Đỗ Văn Đ kể từ ngày 01/5/2011 đến tháng 4/2012 được điều chỉnh theo Nghị định số 23/2011/NĐ-CP ngày 04/4/2011 của Chính phủ là: 813.614 đồng x 1,137 = 925.079 đồng. Trợ cấp hằng tháng của ông Đỗ Văn Đ từ ngày 01/5/2011 đến tháng 4/2012 là: 925.079 đồng/tháng x 12 tháng = 11.100.948 đồng.

Thân nhân của ông Đỗ Văn Đ được nhận truy lĩnh khoản trợ cấp hằng tháng của ông Đỗ Văn Đ là: 20.864.316 đồng và trợ cấp tổ chức mai táng là: 03 tháng x 925.079 đồng/tháng= 2.775.237 đồng; tổng số tiền được nhận là 23.639.553 đồng.

### **Điều 5. Chế độ trợ cấp một lần**

1. Cán bộ, chiến sĩ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Thông tư này (trừ các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 3 Thông tư này) thuộc một trong các trường hợp sau thì được hưởng chế độ trợ cấp một lần:

- a) Có thời gian công tác được tính hưởng chế độ dưới 15 năm;
- b) Có thời gian công tác được tính hưởng chế độ dưới 15 năm; sau khi thôi việc, xuất ngũ về địa phương tiếp tục công tác ở xã, phường, thị trấn có tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc hoặc tự nguyện nhưng không đủ điều kiện hưởng lương hưu hằng tháng theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội;
- c) Có thời gian công tác được tính hưởng chế độ dưới 20 năm; sau khi thôi việc, xuất ngũ về địa phương tham gia công tác ở xã, phường, thị trấn hưởng lương từ ngân sách nhà nước có tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc đủ điều kiện hưởng trợ cấp hằng tháng hoặc lương hưu hằng tháng theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội.

#### **2. Cách tính hưởng**

Trợ cấp một lần được tính theo số năm công tác được tính hưởng chế độ, cụ thể: Từ đủ 02 năm (24 tháng) trở xuống, mức hưởng trợ cấp một lần bằng 2.500.000 đồng; từ năm thứ 03 trở đi, cứ mỗi năm mức hưởng trợ cấp một lần được cộng thêm 800.000 đồng.

Mức trợ cấp một lần được tính theo công thức:

Mức hưởng = 2.500.000 đồng + [(số năm công tác được tính hưởng chế độ – 2 năm) x 800.000 đồng/năm)]

Trường hợp cán bộ, chiến sĩ quy định tại khoản 1 Điều này từ trần sau ngày 15 tháng 10 năm 2010 nhưng chưa được hưởng trợ cấp một lần thì một trong những người sau đây: vợ hoặc chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, con nuôi hoặc

người nuôi dưỡng hợp pháp của người từ trần được nhận truy lĩnh khoản trợ cấp một lần.

3. Cán bộ, chiến sĩ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Thông tư này (trừ các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 3 Thông tư này) từ trần trước ngày 15 tháng 10 năm 2010 thì một trong những người sau đây: vợ hoặc chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, con đẻ, con nuôi hoặc người nuôi dưỡng hợp pháp của người từ trần được nhận trợ cấp một lần bằng 3.600.000 đồng.

#### **Điều 6. Hồ sơ xét hưởng chế độ**

##### **1. Hồ sơ đề nghị xét hưởng chế độ trợ cấp**

a) Công văn đề nghị xét hưởng chế độ trợ cấp (Mẫu số 01) kèm theo danh sách đề nghị giải quyết chế độ trợ cấp của Công an cấp tỉnh nơi cán bộ, chiến sĩ thường trú (Mẫu số 02);

b) Bản khai cá nhân (Mẫu số 03) hoặc bản khai cá nhân dùng cho thân nhân của cán bộ, chiến sĩ (Mẫu số 04); trường hợp ủy quyền thực hiện theo quy định của pháp luật;

c) Giấy tờ gốc hoặc được coi là giấy tờ gốc hoặc giấy tờ liên quan thể hiện thời gian công tác được tính hưởng chế độ (bản chính hoặc bản sao chứng thực hoặc bản sao có xác nhận của cơ quan tổ chức cán bộ thuộc Công an đơn vị, địa phương nơi cán bộ, chiến sĩ có thời gian công tác). Các loại giấy tờ làm căn cứ để xác định thời gian công tác gồm:

Quyết định thôi việc, xuất ngũ; quyết định hoặc giấy tờ có liên quan về việc giải quyết chế độ trợ cấp thôi việc, xuất ngũ; lý lịch cán bộ hoặc lý lịch quân nhân; lý lịch Đảng viên; sổ bảo hiểm xã hội (nếu có);

Giấy tờ liên quan khác như: Huân chương, Huy chương kháng chiến hoặc giải phóng và các hình thức khen thưởng khác; hồ sơ hưởng chính sách người có công; quyết định cấp giấy chứng nhận thương binh và trợ cấp thương tật hoặc bản trích lục hồ sơ thương tật; giấy chuyển thương, chuyển viện; quyết định tuyển dụng, điều động, bổ nhiệm, phong, thăng cấp bậc hàm, nâng bậc lương; giấy gọi nhập ngũ, giấy chiêu sinh vào các trường Công an nhân dân (hoặc các trường Quân đội nhân dân); danh sách cán bộ, bản khai, bản kê khai quá trình tham gia cách mạng phục vụ công tác xét khen thưởng của Nhà nước có xác nhận của đơn vị; các tài liệu lịch sử khác chứng minh có liên quan đến quá trình công tác của cán bộ, chiến sĩ; giấy chứng tử hoặc giấy báo tử (đối với trường hợp từ trần).

d) Trường hợp xuất ngũ, thôi việc nhưng thiếu giấy tờ, tài liệu thể hiện toàn bộ thời gian công tác được tính hưởng chế độ thì hồ sơ phải có thêm các giấy tờ sau:

- Giấy xác nhận thời gian công tác (Mẫu số 07) của Thủ trưởng Công an quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây viết gọn là Công an cấp huyện) và tương đương trở lên nơi cán bộ, chiến sĩ có thời gian công tác hoặc công tác trước khi thôi việc, xuất ngũ (gửi kèm các tài liệu, giấy tờ làm căn cứ xác nhận cán bộ, chiến sĩ được thôi việc, xuất ngũ). Nếu cơ quan, đơn vị sáp nhập, giải thể thì cơ quan, đơn vị mới được thành lập sau sáp nhập, giải thể xác nhận; đồng thời có thêm xác nhận của 02 người trở lên công tác cùng thời kỳ, giai đoạn (gửi kèm theo hồ sơ, tài liệu làm căn cứ xác định có thời gian công tác cùng cán bộ, chiến sĩ được xác nhận);

- Biên bản thẩm tra, xác minh (Mẫu số 08) của Công an cấp huyện nơi cán bộ, chiến sĩ thường trú;

- Biên bản xét duyệt, đề nghị giải quyết chế độ trợ cấp theo Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg của Công an cấp tỉnh (Mẫu số 09).

2. Hồ sơ hưởng chế độ hằng tháng chuyển đến Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi cán bộ, chiến sĩ thường trú để thực hiện chế độ, gồm:

- a) Giấy giới thiệu của Cục Tổ chức cán bộ (Mẫu số 06);

- b) Quyết định về việc hưởng chế độ trợ cấp hằng tháng của Cục trưởng Cục Tổ chức cán bộ (Mẫu số 05A);

- c) Bản khai cá nhân (Mẫu số 03).

## **Điều 7. Trình tự thực hiện**

1. Cán bộ, chiến sĩ hoặc thân nhân cán bộ, chiến sĩ nộp Bản khai cá nhân theo mẫu và các giấy tờ cá nhân còn lưu giữ để làm cơ sở xác định thời gian công tác được tính hưởng chế độ đến Công an cấp huyện nơi thường trú.

### **2. Công an cấp huyện**

- a) Tiếp nhận hồ sơ, hướng dẫn cán bộ, chiến sĩ hoặc thân nhân cán bộ, chiến sĩ kê khai đầy đủ đúng theo mẫu; lấy xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây viết gọn là Ủy ban nhân dân cấp xã) và thẩm định hồ sơ;

- b) Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện đề nghị hưởng chế độ, trong thời gian 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, có trách nhiệm lập danh sách đề nghị giải quyết chế độ trợ cấp một lần hoặc hằng tháng, hoàn thiện hồ sơ và có công văn báo

cáo đề nghị giải quyết chế độ trợ cấp theo Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg (kèm hồ sơ) gửi về Công an cấp tỉnh;

c) Trường hợp chưa đủ giấy tờ tài liệu thì Công an cấp huyện chủ trì, chịu trách nhiệm tiến hành thẩm tra, xác minh; có xác nhận của đại diện: Ủy ban nhân dân, Mặt trận Tổ quốc, Công an, Hội đồng chính sách của xã, phường, thị trấn, Trưởng (thôn, xóm), Tổ trưởng tổ dân phố và cán bộ có cùng thời gian công tác với cán bộ, chiến sĩ (nếu có); lập biên bản thẩm tra, xác minh (Mẫu số 07), hoàn thiện hồ sơ, lập danh sách đề nghị giải quyết chế độ trợ cấp một lần hoặc hàng tháng và có công văn báo cáo đề nghị giải quyết (hoặc không giải quyết) chế độ trợ cấp theo Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg gửi về Công an cấp tỉnh.

### 3. Công an cấp tỉnh

a) Tiếp nhận hồ sơ do Công an cấp huyện chuyển đến;

b) Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện đề nghị hưởng chế độ, trong thời gian 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, có trách nhiệm tổ chức xét duyệt hồ sơ, lập danh sách và hoàn thiện hồ sơ đề nghị xét hưởng chế độ theo quy định, có công văn đề nghị (kèm theo hồ sơ) gửi về Cục Tổ chức cán bộ;

c) Trường hợp chưa đủ giấy tờ tài liệu thì Công an cấp tỉnh tiếp tục tổ chức thẩm tra, xác minh; có công văn đề nghị Công an đơn vị, địa phương (nơi cán bộ, chiến sĩ có thời gian công tác hoặc công tác trước khi thôi việc xuất ngũ) xác nhận thời gian công tác (Mẫu số 08). Sau khi có kết quả thẩm tra xác minh, xác định cán bộ, chiến sĩ đúng đối tượng, đủ điều kiện được hưởng chế độ theo quy định, Công an cấp tỉnh tiến hành họp, xét duyệt, lập biên bản xét duyệt đề nghị giải quyết chế độ trợ cấp theo Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg (Mẫu số 09); thành phần gồm: Đại diện lãnh đạo Công an cấp tỉnh, lãnh đạo cơ quan tổ chức cán bộ và cán bộ trực tiếp thẩm định, đề xuất. Trong thời gian 10 ngày, hoàn thiện hồ sơ đề nghị xét hưởng chế độ theo quy định, có công văn báo cáo đề nghị (kèm theo hồ sơ) gửi về Cục Tổ chức cán bộ. Trường hợp không đủ điều kiện hưởng chế độ trợ cấp, có văn bản trả lời cho cá nhân đề nghị và nêu rõ lý do;

d) Tiếp nhận hồ sơ đã giải quyết do Cục Tổ chức cán bộ chuyển về; chuyển hồ sơ hưởng trợ cấp hàng tháng đến Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để quản lý và chi trả trợ cấp hàng tháng theo quy định;

đ) Chuyển quyết định về việc hưởng chế độ trợ cấp một lần của Cục trưởng Cục Tổ chức cán bộ và thực hiện chi trả chế độ trợ cấp một lần cho cán bộ, chiến sĩ hoặc thân nhân cán bộ, chiến sĩ.

#### 4. Cục Tổ chức cán bộ

Tiếp nhận hồ sơ đề nghị xét hưởng chế độ do Công an cấp tỉnh chuyển đến. Trong thời gian 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, có trách nhiệm thẩm định, xét duyệt, ban hành quyết định về việc hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng (Mẫu số 05A) hoặc quyết định về việc hưởng chế độ trợ cấp một lần (Mẫu số 05B); chuyển hồ sơ đã được giải quyết về Công an cấp tỉnh (nơi đề nghị). Trường hợp không đủ điều kiện hưởng chế độ trợ cấp, có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

### Chương III

## TỔ CHỨC THỰC HIỆN

#### **Điều 8. Kinh phí đảm bảo**

1. Kinh phí chi trả chế độ trợ cấp hàng tháng do ngân sách Trung ương đảm bảo qua Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chuyển Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố để chi trả cho cán bộ, chiến sĩ được hưởng trợ cấp.

2. Kinh phí chi trả chế độ trợ cấp một lần do ngân sách Trung ương đảm bảo qua Bộ Công an, gồm:

a) Kinh phí chi trả chế độ trợ cấp một lần cho cán bộ, chiến sĩ được hưởng trợ cấp theo quy định tại Điều 5 Thông tư này;

b) Kinh phí đảm bảo cho công tác chi trả bằng 4% tổng kinh phí chi trả cho cán bộ, chiến sĩ được hưởng trợ cấp (gồm: công tác xét duyệt, thẩm định hồ sơ; phục vụ tuyên truyền, phổ biến chính sách; tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ, sơ kết, tổng kết; mua sắm, sửa chữa nhỏ, trang bị, đồ dùng văn phòng phục vụ công tác chi trả). Mức chi thực hiện theo quy định của Nhà nước.

#### **Điều 9. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 10 năm 2023 và thay thế Thông tư liên tịch số 05/2010/TTLT-BCA-BLĐTBXH-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2010 của Bộ Công an, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg ngày 20 tháng 8 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ đối với cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân tham gia kháng chiến chống Mỹ có dưới 20 năm công tác trong Công an nhân dân đã thôi việc, xuất ngũ về địa phương.

2. Chế độ trợ cấp hàng tháng quy định tại Điều 4 Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg và Điều 4 Thông tư này được thực hiện từ ngày 01 tháng 05 năm 2010. Cán bộ, chiến sĩ đang hưởng trợ cấp hàng tháng theo Quyết định số 613/QĐ-TTg ngày 06 tháng 5 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc trợ cấp hàng tháng cho những người có từ đủ 15 năm đến dưới 20 năm công tác thực tế đã hết thời hạn hưởng trợ cấp mất sức lao động thì thôi hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng theo quy định tại Điều 4 Thông tư này.

3. Cán bộ, chiến sĩ đã hưởng trợ cấp một lần quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với một số đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng và Nhà nước; khoản 2 Điều 1 Quyết định số 92/2005/QĐ-TTg ngày 29 tháng 4 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện chế độ đối với quân nhân là người dân tộc ít người thuộc Quân khu 7, Quân khu 9 tham gia kháng chiến chống Mỹ, về địa phương trước ngày 10 tháng 01 năm 1982, nếu đủ điều kiện chuyển sang hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng theo Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg thì Công an cấp tinh nơi cán bộ, chiến sĩ thường trú lập hồ sơ đề nghị hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng theo quy định tại Thông tư này và thông báo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện truy thu khoản trợ cấp một lần đã nhận vào ngân sách nhà nước theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg.

#### **Điều 10. Trách nhiệm thi hành**

##### **1. Cục Tổ chức cán bộ**

a) Hướng dẫn, kiểm tra và chỉ đạo tổ chức thực hiện Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg và Thông tư này;

b) Chủ trì, phối hợp với cơ quan chức năng trong và ngoài Công an nhân dân theo dõi, giải quyết những vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg;

##### **2. Cục Kế hoạch và tài chính**

a) Hàng năm, lập dự toán kinh phí đảm bảo thực hiện kinh phí chi trả chế độ trợ cấp một lần theo quy định tại Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg và Thông tư này báo cáo lãnh đạo Bộ duyệt gửi Bộ Tài chính đảm bảo kinh phí thực hiện chi trả chế độ trợ cấp một lần theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước;

b) Đảm bảo kinh phí chi trả chế độ trợ cấp một lần cho Công an các đơn vị, địa phương và thanh quyết toán theo quy định.

### 3. Công an đơn vị, địa phương

- a) Tổ chức tuyên truyền, quán triệt và triển khai thực hiện Thông tư này;
- b) Thủ trưởng Công an đơn vị, địa phương có trách nhiệm xác nhận thời gian công tác đối với cán bộ, chiến sĩ có thời gian công tác tại cơ quan, đơn vị theo quy định tại Thông tư này.

### 4. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

a) Tiếp nhận hồ sơ hưởng chế độ trợ cấp hằng tháng do Công an cấp tỉnh chuyển đến; quản lý và chi trả chế độ trợ cấp hằng tháng cho cán bộ, chiến sĩ được hưởng; thực hiện điều chỉnh chế độ trợ cấp hằng tháng theo quy định của Chính phủ; tiếp nhận khoản trợ cấp một lần của cán bộ, chiến sĩ nộp trả theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg;

b) Chi trả chế độ trợ cấp cho thân nhân cán bộ, chiến sĩ được hưởng trợ cấp hằng tháng từ trần theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg và hướng dẫn tại điểm c khoản 2 Điều 4 Thông tư này;

c) Lập dự toán kinh phí và chi trả chế độ trợ cấp hằng tháng cho cán bộ, chiến sĩ được hưởng và tổ chức thanh toán theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, Công an đơn vị, địa phương, các cơ quan, tổ chức có liên quan phản ánh về Bộ Công an (qua Cục Tổ chức cán bộ) để có hướng dẫn kịp thời./.✓

#### Nơi nhận:

- Bộ Tài chính, Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội;
- Bộ Công an: đơn vị trực thuộc Bộ; Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở Tài chính, Sở LĐTB&XH tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Công báo, Công thông tin điện tử Bộ Công an;
- Lưu: VT, V03, X01 (P7).300b



Đại tướng Tô Lâm